

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 159/2020/DS-ST

Ngày: 25-9-2020

V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Qui

Ông Trần Minh Quang

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Mỹ Diện - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2010/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị Huỳnh Thị Mai L, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Khu vực X, phường TA, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

***2. Bị đơn:*** Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Khu vực X, phường TAn, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Ông Phạm Văn N, sinh năm: 1962

Bà Lê Thị C, sinh năm: 1965

Cùng địa chỉ: Khu vực X, phường TA, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*4. Người làm chứng:*

Chị Huỳnh Mai Huệ N, sinh năm: 1997

Địa chỉ: Khu vực X, phường TA, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang Vắng mặt.

Anh Huỳnh Văn Vũ P, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Khu vực X, phường TA, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mai L trình bày: Sau khi ly hôn với chồng thì chị L về chung sống với mẹ ruột là bà Phạm Thị H. Vào năm 2016 chị có đưa cho bà H 70.000.000 đồng để cố 1,5 công đất ruộng của vợ chồng ông Phạm Văn N, bà Lê Thị C, thời hạn cố các bên thỏa thuận là 3 năm, phần đất trên hiện nay bà H đang trực tiếp sử dụng.

Ngoài ra năm 2017 bà H lợi dụng lúc chị bị bệnh yêu cầu chị rút tiền tiết kiệm của chị tại Ngân hàng Sacombank là 175.000.000 đồng chuyển qua cho em gái chị là Huỳnh Mai Huệ N đứng tên. Sau khi Huệ N đứng tên được vài ngày thì Huệ N chuyển toàn bộ số tiền trên bà H đứng tên trên sổ tiết kiệm. Huệ N và bà H nói với chị L là rút số tiền 50.000.000 đồng để đưa chị đi khám bệnh còn lại 125.000.000 đồng, phần tiền trên chị L chỉ yêu cầu bà H trả lại 65.000.000 đồng, số tiền còn lại chị không yêu cầu. Nay chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H trả lại số tiền cố đất là 70.000.000 đồng và tiền tiết kiệm là 65.000.000 đồng do bà H quản lý, tổng cộng là 135.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị L cho rằng 70.000.000 đồng tiền cố đất trước đây thì của chị L là 35.000.000 đồng, còn phần tiền còn lại là của Huệ N đưa cho bà H, nên chị L chỉ yêu cầu bà H trả lại số tiền tổng cộng là 100.000.000 đồng.

Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Phạm Thị H trình bày: Bà là mẹ ruột Huỳnh Thị Mai L, Huỳnh Mai Huệ N và Huỳnh Văn Vũ P. Sau khi ly hôn Lan về sống chung với bà và Huỳnh Văn Vũ P. Trong thời gian từ năm 2017 – 2019 Lan bị bệnh Lao Màng Não, khi phát bệnh nặng bị tê liệt chân tay. Khi đó bà H là người trực tiếp chăm sóc Lan đưa đi bệnh viện điều trị, chăm cứu. Trong thời gian điều trị bệnh Lan có rút tiền tiết kiệm ra để giao cho bà nhiều lần, số tiền bao nhiêu

thì bà không nhớ rõ nhưng đều dùng vào việc điều trị bệnh cho Lan hết không còn. Phần tiền 70.000.000 đồng cổ đất của vợ chồng ông N, bà C là của bà. Khi thỏa thuận cổ đất bà cũng trực tiếp thỏa thuận và giao tiền cho vợ chồng ông N có làm tờ cổ đất do hai bên ký tên xác nhận. Nay Lan khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền cổ đất 70.000.000 đồng và số tiền tiết kiệm 65.000.000 đồng thì bà không đồng ý. Tại phiên tòa bà đồng ý giao trả lại cho chị L 35.000.000 đồng tiền cổ đất.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn N và bà Lê Thị C trình bày: Năm 2016 vợ chồng ông N có cổ cho bà H 1,5 công đất ruộng với giá 70.000.000 đồng, khi cổ có làm giấy tay. Bà H là người trực tiếp đưa tiền cho vợ chồng ông N, phần đất trên bà H sử dụng từ năm 2016 cho đến nay, còn việc số tiền trên chị L cho rằng tiền của chị L đưa cho bà H cổ đất thì vợ chồng ông không biết. Nay đối với vụ kiện trên ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai người làm chứng Huỳnh Văn Vũ P trình bày: Đối với phần tiền cổ đất 70.000.000 đồng mà chị L cho rằng đưa cho mẹ ruột để cổ đất thì anh P hoàn toàn không biết. Riêng phần tiền tiết kiệm thì theo anh biết lúc đầu sổ tiết kiệm là do chị L đứng tên, sau đó do chị bị bệnh đi lại khó khăn nên có chuyển sang cho Huệ N đứng tên, sau khi Huệ N lập gia đình thì chuyển qua cho mẹ ruột là bà H đứng tên để lo chi phí khám chữa bệnh cho chị L, còn sử dụng tiền như thế nào thì anh không biết.

Tại bản tự khai người làm chứng Huỳnh Mai Huệ N trình bày: Phần tiền cổ đất cổ đất 70.000.000 đồng mà chị L cho rằng đưa cho mẹ ruột để cổ đất thì chị N hoàn toàn không biết, phần tiền tiết kiệm thì lúc đầu trong sổ là 200.000.000 đồng do chị L đứng tên, số tiền trên là do chị L và chị N cùng đi làm thuê rồi cùng gửi chung vào, vì chị em nên cũng không biết ai gửi vào số tiền bao nhiêu, sau đó chị L bị bệnh nên đã rút 40.000.000 đồng để trị bệnh còn lại 160.000.000 đồng, do chị L bị bệnh đi lại khó khăn nên chị L đã chuyển toàn bộ số tiền trên cho chị N đứng tên để thuận tiện trong việc rút tiền, sau đó chị N có gia đình nên đã chuyển toàn bộ số tiền trên cho mẹ ruột là bà H đứng tên để lo chi phí điều trị bệnh cho chị L và các chi phí sinh hoạt trong gia đình, vì ngoài chăm chị L thì bà H còn phải lo cho con của chị L còn nhỏ, những chuyện còn lại thì chị N không biết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70; Điều 71; Điều 72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của bà H và chị L về việc bà H đồng ý trả lại cho chị L số tiền cổ đất 35.000.000 đồng; Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà H trả lại số tiền tiết kiệm 65.000.000 đồng; Ngoài ra kiểm sát viên còn đề nghị về án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Người làm chứng Huỳnh Văn Vũ P, Huỳnh Mai Huệ N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn Huỳnh Thị Mai L cho rằng trong tổng số tiền 70.000.000 đồng tiền cổ đất của ông N và bà C thì chị L chỉ đưa cho bà H 35.000.000 đồng, phần còn lại là của bà H, vì vậy chị L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà H trả lại 35.000.000 đồng tiền cổ đất và được bà H đồng ý. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên

được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Đối với số tiền tiết kiệm 65.000.000 đồng. Nguyên đơn cho rằng số tiền chị L gửi lúc đầu là 175.000.000 đồng tại ngân hàng Sacombank, sau đó có rút 50.000.000 đồng để trị bệnh, còn lại 125.000.000 đồng thì chị để em gái là Huệ N đứng tên, sau đó thì Huệ N chuyển lại cho bà H đứng tên, phần tiền trên chị L cho rằng trừ chi phí bà H lo đưa chị đi khám bệnh thì còn lại 65.000.000 đồng bà H có trách nhiệm trả lại cho chị. Tại phiên tòa, chị L cho rằng số tiền trong sổ tiết kiệm là tiền của chị và em gái là Huệ N cùng đi làm rồi gửi chung vào một sổ tiết kiệm do chị đứng tên, số tiền cụ thể của từng người gửi vào sổ tiết kiệm là bao nhiêu thì chị không rõ, lời trình bày của chị L phù hợp với lời trình bày của chị Huệ N. Do không xác định được số tiền tiết kiệm của chị L và Huệ N gửi vào bao nhiêu nên chị L chỉ yêu cầu nhận lại phân nửa số tiền là 65.000.000 đồng. Bà H không đồng ý lý do chị L bị mắc bệnh Lao Màng Não, bà H là người trực tiếp chăm lo cho chị L và con chị L, số tiền chị L gửi cho bà bao nhiêu thì bà không nhớ rõ, vì chị L bị bệnh gần 02 năm, trong 02 năm đó bà H phải đưa chị L đi điều trị bệnh ở nhiều nơi, số tiền chị L đưa cho bà cũng không đủ để lo trị bệnh cho chị L, bà H còn phải đi vay ở bên ngoài để chăm lo cho mẹ con chị L. Hội đồng xét xét thấy, căn cứ vào sự thừa nhận của các đương sự thì việc chị L bị bệnh và bà H là người trực tiếp chăm lo cho chị Huỳnh cùng con của chị Huỳnh là đúng sự thật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm chị L không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền tiết kiệm 65.000.000 đồng của chị đưa cho bà H giữ hộ, vì vậy căn cứ vào khoản 2, 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Từ đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị Mai L về việc yêu cầu bà H trả số tiền tiết kiệm 65.000.000 đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 351, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc bà Phạm Thị H đồng ý trả cho nguyên đơn Huỳnh Thị Mai L 35.000.000 (*ba mươi lăm triệu đồng*) đồng tiền cổ đất khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Bác 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị Mai L về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền tiết kiệm 65.000.000 đồng (*sáu mươi lăm triệu đồng*).

[3] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Phạm Thị H phải chịu 875.000 đồng, do bị đơn có đơn xin miễn giảm án phí có xác nhận của chính quyền địa phương, nên Hội đồng xét xử thống nhất giảm 50% án phí dân sự cho bị đơn, số tiền còn lại bị đơn phải nộp là 437.500 đồng (*Bốn trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*).

Nguyên đơn Huỳnh Thị Mai L phải chịu án phí dân sự trên tổng số tiền không được Tòa án chấp nhận là 3.250.000 đồng, được khấu trừ 3.375.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai số 0000703 phiếu lập ngày 30/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, số tiền còn lại 125.000 đồng nguyên đơn được nhận lại.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/9/2020). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

***Nơi Nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- CCTHADS thị xã Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

**Đào Thị Thủy**